TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 12 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** Số: 58/2020/QĐST-HNGĐ	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Quận 12, ngày 21 tháng 01 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 1578/2019/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 12 năm 2019 về việc "*Xin ly hôn*", giữa:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị S, sinh năm 1987

Địa chỉ thường trú: Xóm A, xã T, huyện L, tỉnh Hà Tĩnh.

Địa chỉ tạm trú: 108 P, Tổ D, Khu phố C, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Anh Lê Đăng K, sinh năm 1979

Địa chỉ thường trú: Thôn T, xã T, Thành phố P-T, tỉnh Ninh Thuận.

Địa chỉ tạm trú: 108 P, Tổ D, Khu phố C, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ vào Điều 55, 58, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 212, Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 13 tháng 01 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 13 tháng 01 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị S và anh Lê Đăng K.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị S và anh Lê Đăng K thuận tình ly hôn, theo giấy chứng nhận kết hôn số 83 ngày 21/12/2009 của Ủy ban nhân dân xã T, Thành phố P-T, tỉnh Ninh Thuận.

2.2. Về con chung: Có 02 con chung tên Lê Trần Quỳnh A, sinh ngày 01/8/2011 và Lê Trần Anh K, sinh ngày 10/5/2016. Hai bên thỏa thuận chị Trần Thị S nuôi con chung là cháu Lê Trần Anh K, sinh ngày 10/5/2016. Anh Lê Đăng K nuôi con chung là cháu Lê Trần Quỳnh A, sinh ngày 01/8/2011. Không bên nào phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho bên nào.

Hai bên được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở thực hiện quyền này. Vì lợi ích của con chung sau này, một hoặc cả hai bên có quyền làm đơn yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con.

2.3. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

2.4. Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 150.000 (*một trăm năm mươi ngàn*) đồng chị Trần Thị S tự nguyện nộp nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 (*ba trăm ngàn*) đồng đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh theo biên lai thu số 0107885 ngày 10/12/2019. Hoàn lại cho chị Trần Thị S 150.000 (*một trăm năm mươi ngàn*) đồng còn lại theo biên lai đã nộp.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND Quận 12;
- THADS Quận 12;
- UBND phường nơi đăng ký kết hôn;
, Quận 12;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

NGUYỄN THỊ THANH THẢO